

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BNNMT-KHCN
V/v tăng cường thực hiện yêu cầu truy xuất
nguồn gốc đối với quả sầu riêng tươi
xuất khẩu sang Trung Quốc

Hà Nội, ngày tháng 8 năm 2026

- Kính gửi: - Ủy ban nhân dân, Sở Nông nghiệp và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có hoạt động sản xuất, thu mua, đóng gói, kiểm nghiệm, kiểm dịch, xuất khẩu sầu riêng;
- Các đơn vị trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường có liên quan;
- Các doanh nghiệp, hội, hiệp hội ngành hàng có tham gia chuỗi sản xuất, thu mua, bảo quản, vận chuyển, đóng gói, kinh doanh và xuất khẩu sầu riêng;
- Các cơ sở kiểm nghiệm, phòng thử nghiệm thực hiện kiểm nghiệm phục vụ xuất khẩu sầu riêng.

Ngày 11/7/2022, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam và Tổng cục Hải quan Trung Quốc ký Nghị định thư về yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với quả sầu riêng xuất khẩu từ Việt Nam sang Trung Quốc (viết tắt là Nghị định thư). Theo đó, tại Điều 2 quy định thông tin đăng ký vùng trồng, cơ sở đóng gói phải bảo đảm truy xuất một cách chính xác; Điều 3 quy định tất cả vùng trồng xuất khẩu sang Trung Quốc phải truy xuất nguồn gốc; Điều 4 quy định cơ sở đóng gói phải xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc để bảo đảm sầu riêng xuất khẩu sang Trung Quốc có thể truy xuất ngược đến vùng trồng, bao gồm các thông tin liên quan. Đây là thỏa thuận, thống nhất giữa Việt Nam và Trung Quốc và cần phải tổ chức thực hiện nghiêm. Do đó, truy xuất nguồn gốc là yêu cầu bắt buộc đối với sầu riêng xuất khẩu sang Trung Quốc; trường hợp không đáp ứng yêu cầu của Nghị định thư, lô hàng có thể bị từ chối nhập khẩu hoặc vùng trồng, cơ sở đóng gói có thể bị tạm dừng xuất khẩu.

Nhằm tổ chức triển khai kịp thời, có hiệu quả Nghị định thư nêu trên và quy định của pháp luật Việt Nam, bao gồm: Luật an toàn thực phẩm; Luật Chất lượng, sản phẩm hàng hóa; Khoản 2, Điều 78 Luật trồng trọt; các Nghị định số 37/2026/NĐ-CP ngày 23/01/2026, Nghị định số 38/2026/NĐ-CP ngày 24/01/2026, đặc biệt là Nghị quyết số 36/2026/NQ-CP ngày 31/7/2026 của Chính phủ; các Quyết định số 3015/QĐ-BNNMT ngày 04/8/2025, Quyết định số 5272/QĐ-BNNMT ngày 13/12/2025, Quyết định số 25/QĐ-BNNMT ngày 07/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Thông tư 17/2021/TT-BNNPTNT ngày 20/12/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) quy định về truy xuất nguồn gốc, thu hồi và xử lý thực

phẩm không bảo đảm an toàn thuộc phạm vi quản lý của Bộ nông nghiệp và PTNT; đồng thời để tổ chức triển khai Hệ thống truy xuất nguồn gốc nông sản của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (đã được công bố và chính thức đưa vào vận hành thử nghiệm trên phạm vi toàn quốc từ ngày 01/7/2026), Bộ Nông nghiệp và Môi trường đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các cơ quan, địa phương, tổ chức, cá nhân liên quan và cơ quan, đơn vị thuộc Bộ thực hiện các nội dung sau:

1. Nguyên tắc chung

Hệ thống TXNG nông sản của Bộ là nền tảng số dùng chung phục vụ tiếp nhận, tích hợp, chia sẻ và khai thác dữ liệu truy xuất nguồn gốc thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Việc cập nhật, kết nối và chia sẻ dữ liệu được thực hiện theo quy định của pháp luật, chuẩn dữ liệu, chuẩn kết nối, hướng dẫn kỹ thuật và lộ trình của cơ quan có thẩm quyền; bảo đảm nguyên tắc “*một lần khai báo, nhiều lần sử dụng*”, kết nối, liên thông với các hệ thống hiện có của địa phương, doanh nghiệp, không làm phát sinh thủ tục hành chính, điều kiện xuất khẩu hoặc yêu cầu sử dụng một giải pháp công nghệ cụ thể (Phụ lục kèm theo).

Hệ thống được triển khai trên cơ sở các chủ trương, quy định pháp luật và nhiệm vụ do Ban Chỉ đạo của Chính phủ, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Bộ Nông nghiệp và Môi trường giao, làm nền tảng dữ liệu phục vụ quản lý nhà nước, truy xuất nguồn gốc, bảo đảm chất lượng, an toàn thực phẩm và đáp ứng yêu cầu thị trường trong nước, xuất khẩu

2. Tổ chức thực hiện truy xuất nguồn gốc bắt buộc đối với sầu riêng xuất khẩu sang Trung Quốc

a) Mỗi lô sầu riêng tươi xuất khẩu sang Trung Quốc phải có hồ sơ, dữ liệu phù hợp với từng công đoạn, bảo đảm đầy đủ, chính xác, liên tục và truy xuất ngược được đến vùng trồng, cơ sở đóng gói, các chủ thể và công đoạn có liên quan theo Nghị định thư và quy định của pháp luật.

b) Các chủ thể tham gia chuỗi sầu riêng xuất khẩu có trách nhiệm thiết lập, duy trì hồ sơ và dữ liệu truy xuất nguồn gốc; kết nối, cập nhật dữ liệu tại từng công đoạn; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời của dữ liệu.

c) Dữ liệu được liên kết theo từng lô hàng, tối thiểu gồm: chủ thể tham gia chuỗi; mã số và trạng thái hiệu lực của vùng trồng, cơ sở đóng gói; nhật ký trồng trọt của vườn trồng; thông tin sản xuất, thu hoạch, thu mua, vận chuyển, bảo quản, đóng gói; khối lượng; kết quả thử nghiệm; giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật; công-ten-nơ, niêm phong; doanh nghiệp xuất khẩu và thị trường nhập khẩu.

3. Trách nhiệm của địa phương và các chủ thể trong chuỗi sản xuất, xuất khẩu sầu riêng

a) Đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường làm đầu mối, phối hợp với các đơn vị liên quan trong việc rà soát, xác thực, chuẩn hóa và kết nối dữ liệu về mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói,

chủ thể quản lý, trạng thái hiệu lực, tình trạng được thị trường nhập khẩu công nhận và kết quả kiểm tra, giám sát. Địa phương có hệ thống riêng thực hiện kết nối, không yêu cầu khai báo lại; khuyến khích địa phương chưa có hệ thống sử dụng trực tiếp Hệ thống TXNG của Bộ.

b) Cơ sở trồng trọt, chủ thể vùng trồng, cơ sở thu mua, vận chuyển, bảo quản, đóng gói và doanh nghiệp xuất khẩu có trách nhiệm thiết lập, duy trì hồ sơ truy xuất nguồn gốc; kết nối, cập nhật dữ liệu tại từng công đoạn; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, chính xác, kịp thời của dữ liệu.

c) Tổ chức thử nghiệm đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật và yêu cầu của thị trường nhập khẩu bảo đảm tính chính xác của kết quả thử nghiệm đối với mẫu, lô hàng tương ứng; khuyến khích phối hợp cập nhật, chia sẻ dữ liệu theo hướng dẫn của Bộ.

d) Các hội, hiệp hội tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn các chủ thể trong chuỗi sản xuất, xuất khẩu sầu riêng tuân thủ Nghị định thư và quy định của pháp luật; phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước tổng hợp, phản ánh và hỗ trợ xử lý các khó khăn, vướng mắc phát sinh.

đ) Các đơn vị cung cấp giải pháp truy xuất nguồn gốc hướng dẫn, hỗ trợ kết nối, chia sẻ dữ liệu theo chuẩn kỹ thuật; bảo đảm an toàn thông tin, quyền xuất, sao lưu và chuyển đổi dữ liệu; không khóa dữ liệu hoặc tạo sự phụ thuộc vào nhà cung cấp.

4. Tổ chức vận hành Hệ thống TXNG

Bộ Nông nghiệp và Môi trường giao các đơn vị trực thuộc Bộ tổ chức vận hành Hệ thống TXNG nông sản, cụ thể như sau:

a) Cục Chuyển đổi số chủ trì quản trị, vận hành kỹ thuật Hệ thống; hoàn thiện hồ sơ tiếp nhận, quyền quản trị và khai thác dữ liệu; công bố chuẩn dữ liệu, API, cấp tài khoản, hỗ trợ kết nối, bảo đảm an toàn, thông suốt và không phụ thuộc nhà cung cấp. Việc nâng cấp, mở rộng Hệ thống TXNG phải kế thừa tài sản, phần mềm và dữ liệu hiện có, không đầu tư trùng lặp.

b) Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật chủ trì trong quản trị dữ liệu về mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói, trạng thái công nhận, kiểm tra, giám sát và kiểm dịch thực vật; chủ trì theo dõi dữ liệu lấy mẫu, kiểm nghiệm và danh sách phòng thử nghiệm được thị trường nhập khẩu chấp nhận đối với sầu riêng tươi; phối hợp xử lý sai lệch, giả mạo hoặc sử dụng mã số không đúng quy định.

c) Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường phối hợp với Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật trong phát triển thị trường sầu riêng trong nước và xuất khẩu; truy xuất nguồn gốc, thu hồi, xử lý sự cố an toàn thực phẩm; rà soát, theo dõi và tổng hợp danh sách các tổ chức thử nghiệm phục vụ xuất khẩu sầu riêng theo quy định.

d) Văn phòng SPS Việt Nam phối hợp cập nhật yêu cầu, cảnh báo của thị trường nhập khẩu.

đ) Trung tâm Khuyến nông Quốc gia phối hợp với các cơ quan truyền thông, thông tin, tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức của xã hội, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân về lợi ích và tầm quan trọng của TXNG.

e) Vụ Khoa học và Công nghệ chủ trì theo dõi, đôn đốc, điều phối tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ TXNG; tổng hợp kết quả, vướng mắc và tham mưu hoàn thiện cơ chế, chính sách, danh mục, lộ trình và yêu cầu dữ liệu truy xuất nguồn gốc theo thẩm quyền.

5. Báo cáo và tổ chức thực hiện

a) Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ được giao nhiệm vụ tại Công văn này định kỳ báo cáo kết quả trước ngày 25 hằng tháng theo Công văn số 7812/BNMT-KHCN, gửi về Bộ qua Vụ Khoa học và Công nghệ; không lập thêm chế độ báo cáo riêng. Các hội, hiệp hội, doanh nghiệp, tổ chức thử nghiệm và đơn vị cung cấp giải pháp cung cấp thông tin cho Sở Nông nghiệp và Môi trường hoặc đơn vị chuyên ngành khi được yêu cầu, không phải lập báo cáo định kỳ riêng.

b) Các vướng mắc kỹ thuật gửi Cục Chuyển đổi số; vướng mắc về mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói, kiểm dịch, lấy mẫu, kiểm nghiệm, chất lượng, an toàn thực phẩm, thu hồi và thị trường sâu riêng gửi Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật; nội dung về cơ chế, chính sách và điều phối chung gửi Vụ Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, xử lý theo thẩm quyền.

Bộ Nông nghiệp và Môi trường trân trọng đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các cơ quan, địa phương, tổ chức, cá nhân liên quan và cơ quan, đơn vị thuộc Bộ khẩn trương thực hiện; trong quá trình triển khai, nếu có vấn đề phát sinh, đề nghị phản ánh về Bộ (qua Vụ Khoa học và Công nghệ) để kịp thời xử lý./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng Trịnh Việt Hùng (để báo cáo);
- Các đ/c Thứ trưởng Bộ NNMT (để chỉ đạo);
- Các Bộ: Công an, Công Thương, Tài chính (Hải quan) (để phối hợp);
- Lưu: VT, KHCN (ĐMP).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Hoàng Hiệp

Phụ lục

**KHUNG HƯỚNG DẪN CẬP NHẬT, KẾT NỐI DỮ LIỆU TRUY XUẤT
NGUỒN GỐC SÀU RIÊNG TƯƠI XUẤT KHẨU SANG TRUNG QUỐC**

(Kèm theo Công văn số /BNNMT-KHCN ngày tháng 8 năm 2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Phụ lục này hướng dẫn các nhóm thông tin chủ yếu và phương thức kết nối dữ liệu; không thay thế hồ sơ, chứng từ chuyên ngành và không làm phát sinh thủ tục hành chính hoặc điều kiện xuất khẩu mới.

STT	Nhóm dữ liệu	Thông tin chủ yếu	Nguồn/ đơn vị phối hợp
1	Chủ vườn, vùng trồng	Tên, mã định danh của chủ thể; mã số, địa điểm, trạng thái hiệu lực, tình trạng được thị trường nhập khẩu công nhận; kết quả kiểm tra, giám sát.	Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật; Sở Nông nghiệp và Môi trường; chủ thể quản lý mã số.
2	Thu mua, vận chuyển, bảo quản, đóng gói	Mã lô; thời gian sản xuất, thu hoạch, thu mua, vận chuyển, bảo quản, đóng gói; cơ sở thực hiện; khối lượng và thông tin liên kết giữa các công đoạn.	Cơ sở trồng trọt, thu mua, vận chuyển, bảo quản, đóng gói; doanh nghiệp xuất khẩu.
3	Kiểm nghiệm, kiểm dịch	Mã mẫu, mã lô hàng, chỉ tiêu và kết quả kiểm nghiệm, số hiệu phiếu kết quả; số hiệu giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật và thông tin tham chiếu có liên quan.	Cơ sở kiểm nghiệm, phòng thử nghiệm; Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật; cơ quan kiểm dịch.
4	Xuất khẩu	Doanh nghiệp xuất khẩu, thị trường nhập khẩu; công-ten-nơ, niêm phong và thông tin tham chiếu của chứng từ xuất khẩu trong phạm vi được phép chia sẻ.	Doanh nghiệp xuất khẩu; cơ quan hải quan và cơ quan liên quan theo thẩm quyền.

1. Phương thức cập nhật, kết nối:

- Cập nhật trực tiếp trên Hệ thống; hoặc
- Kết nối, chia sẻ từ hệ thống hiện có qua API; dữ liệu do cơ quan nhà nước quản lý được chia sẻ từ cơ sở dữ liệu, hệ thống nghiệp vụ chuyên ngành theo quy định.

2. Nguyên tắc thực hiện:

- Dữ liệu được khai báo một lần, sử dụng nhiều lần; không yêu cầu nhập lại dữ liệu đã được kết nối, xác thực.
- Chủ thể tạo lập hoặc quản lý dữ liệu chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác, kịp thời; phạm vi công khai, chia sẻ, khai thác thực hiện theo phân quyền và quy định về bảo vệ dữ liệu.

3. Đầu mối hỗ trợ:

Cục Chuyển đổi số hỗ trợ kỹ thuật, tài khoản, API; Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật hướng dẫn nghiệp vụ sâu riêng; Vụ Khoa học và Công nghệ điều phối, tổng hợp vướng mắc về cơ chế, chính sách.